

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-3-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đồng Xuân Dũng

2. Ông Nguyễn Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 896/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T; địa chỉ: Thôn CM, xã ĐH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Trung H; địa chỉ: Thôn CM, xã ĐH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trần Thị T và anh Trần Trung H kết hôn với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn CM, xã ĐH, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ

chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm sống, cách sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân nhau, chị Trần Thị T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Chị Trần Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh Trần Trung H. Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Mai H1, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2011 và Trần Minh T1, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2016. Khi ly hôn chị Trần Thị T xin được nuôi cả 02 con chung. Về cấp dưỡng cho con, chị Trần Thị T đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Anh Trần Trung H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản và các quyết định tố tụng nhưng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Trần Thị T được ly hôn. Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng cho con và tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2011 ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xác định chị Trần Thị T và anh Trần Trung H kết hôn với nhau vào ngày 28 tháng 01 năm 2011; giấy khai sinh của con chung; tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp và vợ chồng ly thân nhau, anh Trần Trung H hiện vẫn cư trú tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Trần Trung H được xác lập vào năm 2011 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp

và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Trần Trung H nhiều lần để hòa giải nhưng anh Trần Trung H đều vắng mặt, điều này thể hiện anh Trần Trung H không muốn hòa giải. Chúng tôi, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của chị Trần Thị T là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Mai H1, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2011 và Trần Minh T1, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2016. Khi ly hôn, chị Trần Thị T xin được nuôi cả hai con chung. Việc giao con chưa thành niên cho ai cần xem xét điều kiện của các bên. Xét thấy, chị Trần Thị T có công việc thu nhập ổn định, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Trần Trung H không có ý kiến gì về con chung, hơn nữa con chung có nguyện vọng ở với chị Trần Thị T. Vì vậy, giao con cho chị Trần Thị T nuôi là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, chị Trần Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Trung H.
2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Mai H1, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2011 và Trần Minh T1, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000196 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã ĐH, huyện NT;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn